

## QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ VÀ HỆ THỐNG ĐỔI MỚI

Những người ủng hộ quyền sở hữu trí tuệ mạnh hơn muốn nhấn mạnh rằng các quyền này cần thiết cho đổi mới. Quan điểm đó chỉ rõ rằng có rất nhiều giải pháp thay thế để tài trợ và trao thưởng cho đổi mới. Chẳng hạn, có các cách khác để giành được lợi nhuận từ đổi mới (bí mật thương mại, lợi thế người đi đầu) bên cạnh bằng sáng chế và bản quyền, và trong nhiều lĩnh vực, những thứ này có tính hiệu quả rất cao. Trên thực tế, như đã đề cập, rất nhiều trong số những tiến bộ tri thức quan trọng nhất không được bảo vệ bởi quyền sở hữu trí tuệ và không được thúc đẩy bởi lợi nhuận. Các tiến bộ toán học cơ bản cung cấp nền móng cho chiếc máy tính và việc khám phá ra DNA tạo cơ sở cho nhiều tiến bộ trong y học hiện đại là hai trong vô số dẫn chứng.

Một trong những giải pháp thay thế quan trọng nhất để tài trợ nghiên cứu là thông qua hỗ trợ của chính phủ. Trường hợp Hoa Kỳ tài trợ rất nhiều cho nghiên cứu cơ bản làm cơ sở cho nhiều đổi mới của các Công ty dược, Internet sinh ra vô số những đổi mới từ những năm 1990 đã từng dựa trên nghiên cứu được hỗ trợ và phần lớn được quản lý bởi chính phủ Hoa Kỳ và các nước châu Âu. Thực tế là rất nhiều trong số những đổi mới thành công ở Hoa Kỳ đã xuất hiện ở các khu nghiên cứu gần các trường đại học; thực tế này cho thấy các doanh nghiệp được lợi từ những tri thức được tạo ra tại các trường đại học và nghiên cứu của các trường đại học nhìn chung được tài trợ bởi các tổ chức, chính phủ và tiền quyên góp của các trường - nhưng không vì mục tiêu lợi nhuận.

### TTBD ĐBDC

Gần đây hơn nữa, xu hướng nguồn mở đã trở thành một nguồn quan trọng của đổi mới. Trong khi những thành công ban đầu của nó nằm ở lĩnh vực phần mềm, giờ đây nó đang thể hiện tính hiệu quả trong các lĩnh vực khác, chẳng hạn công nghệ sinh học. Nó nhấn mạnh và thúc đẩy bản chất công tác của nghiên cứu vốn là dấu hiệu của giới học viện, và kiến trúc mở tạo điều kiện cho nghiên cứu tiếp bước - trái ngược với hệ thống bằng sáng chế, thứ đã chấm dứt nó hoặc ít nhất khiến nó trở nên khó khăn. Bởi trong giới học viện, trong một số trường hợp, lợi nhuận không ở dạng tiền đóng một vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy nghiên cứu; trong các trường hợp khác, các Công ty đã tìm ra vô số cách thức giành lấy lợi nhuận, chẳng hạn qua việc kinh doanh các dịch vụ hoặc định

hướng phần mềm dựa trên nguồn lực mở theo nhu cầu của các khách hàng riêng biệt.

Hệ thống giải thưởng thể hiện một giải pháp khác đối với hệ thống bằng sáng chế. Điều này đưa đến việc trao giải cho bất kỳ ai đưa ra một đổi mới hoặc ít nhất những đổi mới đạt các mục tiêu đã được công bố. Chẳng hạn, người tìm ra cách chữa bệnh hoặc vắc xin phòng bệnh AIDS hoặc sốt rét sẽ nhận được giải thưởng lớn. Người nào đó tìm ra một loại thuốc có rất ít tác dụng phụ so với các loại thuốc hiện có (mà nếu không có tác dụng phụ đó thì không hiệu quả hơn) có thể nhận được giải thưởng nhỏ hơn. Quy mô giải thưởng được xác định theo tính chất quy mô của đóng góp.

Ý tưởng đó là một ý tưởng cũ. Hiệp hội Hoàng gia khích nghệ thuật, sản xuất và thương mại của Vương quốc Anh đang ủng hộ và sử dụng các giải thưởng để khuyến khích sự phát triển của những công nghệ được ưa chuộng trong suốt hơn một thế kỷ nay. Chẳng hạn, cần một giải pháp cho những người cao ống khói, những cậu bé nhỏ và bị thiếu ăn đã từng bị đưa xuống ống khói. Điều đó không tốt cho sức khỏe của chúng, nhưng nếu không dọn dẹp ống thì sẽ làm gia tăng rủi ro hoả hoạn với hậu quả nghiêm trọng. Vì vậy Hiệp hội Hoàng gia đề xuất trao giải thưởng cho bất kỳ ai phát hiện ra cách thức sử dụng máy móc để dọn dẹp ống khói. Giải thưởng đem đến một động cơ - và nó đã có hiệu quả. Một hệ thống bằng sáng chế cũng có thể thúc đẩy sự phát triển của một thiết bị cơ khí (mặc dù thực tế điều đó đã không xảy ra), nhưng nếu xảy ra thì có thể tồn tại một vấn đề: Người sở hữu bằng sáng chế có thể muốn tối đa hoá lợi nhuận của đổi mới bằng cách tính phí cao cho việc sử dụng nó. Điều đó có nghĩa là chỉ các gia đình giàu có mới có đủ điều kiện để sử dụng thiết bị cơ khí này và cuộc sống của những cậu bé lại tiếp tục với những rủi ro. Với hệ thống giải thưởng, mọi người đều có thể được lợi từ đổi mới quan trọng mang tính xã hội này.

Tất nhiên, hệ thống bằng sáng chế hiện tại có thể được xem như một hệ thống giải thưởng. Tuy nhiên, nó có thể là một hệ thống chưa hiệu quả, bởi “giải thưởng” là một thứ chứng nhận sức mạnh độc quyền, và với sức mạnh độc quyền sẽ có các động cơ hạn chế việc sử dụng tri thức. Một trong những đặc điểm của một hệ thống đổi mới đáng mơ ước là các ý tưởng và đổi mới, giá; thứ còn lại là động lực của các thị trường cạnh tranh để hạ giá và tăng cường mở rộng tri thức.

Hơn nữa, hệ thống giải thưởng có lợi thế là tạo ra ít động cơ phí phạm tiền của vào quảng cáo cũng như tạo ra ít các động cơ thực hiện các hành vi chống phá cạnh tranh vốn được tạo nên để thúc đẩy lợi nhuận độc quyền. Các công ty dược phẩm chi nhiều hơn cho quảng và tiếp thị so với cho nghiên cứu. Các khoản chi tiếp thị này được tạo ra nhằm giảm tính co giãn của cầu, thứ cho phép người sở hữu bằng sáng chế đẩy giá lên và gia tăng lợi nhuận độc quyền. Từ quan điểm có tính xã hội, những khoản chi này cực kỳ phí phạm.

Hệ thống bằng sáng chế cũng làm biến dạng mô hình nghiên cứu. Các công ty dược phẩm không có đủ các động cơ để phát triển các loại thuốc dành cho các bệnh có xu hướng tấn công người nghèo, đơn giản vì không có tiền dành cho những loại thuốc đó. Một trong những ý tưởng được bàn luận rộng rãi nhằm giải quyết vấn đề này là một quỹ mua lại có bảo đảm, trong đó Ngân hàng Thế giới hoặc Tổ chức Gates Foundation bảo lãnh 1 hoặc 2 tỷ đôla cho việc mua loại thuốc này với những người phát triển loại vắc xin hoặc cách chữa bệnh AIDS, sốt rét hoặc bệnh nào đó khác đang tấn công các nước đang phát triển. Thực tế tồn tại một thị trường xác định. Việc bảo lãnh 1 hoặc 2 tỷ đôla cho việc mua loại thuốc đó sẽ có vai trò như một giải thưởng, và một bảo lãnh đủ lớn sẽ đem lại động lực rõ ràng cho nghiên cứu. Tuy nhiên, các quỹ mua lại có bảo đảm này vẫn sẽ tồn tại tính kém hiệu quả của hệ thống bằng sáng chế độc quyền, trừ khi có một cam kết đi kèm cho phép bằng sáng chế có thể tiếp cận được đối với tất cả các đối tượng với số tiền mua bản quyền hợp lý trên mức bảo lãnh. Người khám phá nhận “giải thưởng” - lợi nhuận độc quyền - bằng cách tính các mức giá độc quyền. Những người nghèo nhận thuốc thông qua quỹ mua lại có bảo đảm tất nhiên không phải trả mức giá độc quyền. Nhưng các quỹ này rất hạn chế và khi quỹ cạn kiệt, nếu không có một cam kết thì chính phủ sẽ phải chi trả toàn bộ mức giá độc, một khi được phát triển, sẽ được sử dụng và phổ biến rộng rãi; hệ thống bằng sáng chế được xây dựng để hạn chế việc sử dụng tri thức. Với hệ thống giải thưởng, thị trường cạnh tranh bảo đảm việc phổ biến hiệu quả; cấp giấy phép cho rất nhiều người sử dụng lực cạnh tranh để hạ giá cả và gia tăng việc sử dụng tri thức. Với bằng sáng chế và giải thưởng, các tác nhân thị trường được tận dụng: một thứ là động cơ của một hãng độc quyền để giới hạn tri thức và tăng quyền khi muốn cung cấp cho công dân của mình, chẳng hạn như thuốc sốt rét thông qua quỹ mua lại có bảo đảm.

Số tiền chi cho việc mua loại thuốc này ở mức giá độc quyền không thể dùng vào các nhu cầu y tế khác của đất nước hoặc hỗ trợ nghiên cứu hoặc giáo dục cơ bản (mỗi yếu tố trong đó có lợi ích lớn hơn trong việc thúc đẩy học tập có tính xã hội). Có thể hợp lý hơn nhiều nếu số tiền dành cho quỹ mua lại có bảo đảm được sử dụng theo cách thúc đẩy cạnh tranh trong việc cung cấp thuốc, hoặc nêu đề xuất giải thưởng, mua bằng sáng chế, và cho phép bất kỳ ai sẵn lòng trả phí cấp giấy phép giới hạn để sản xuất nó.

Tất nhiên, ngay cả khi không có các cơ chế rõ ràng này đối với việc khuyến khích nghiên cứu (bằng sáng chế và giải thưởng) thì các doanh nghiệp cũng vẫn thực hiện nghiên cứu và học tập. Các doanh nghiệp giành lợi nhuận thông qua các thị trường tự nhiên sử dụng các cơ chế không có QSHTT như các lợi thế nảy sinh từ vị thế là doanh nghiệp đầu tiên hoặc các lợi thế nảy sinh từ các bí mật thương mại. Một số ngành dựa vào các cơ chế như vậy ngay cả khi có khả năng tiếp cận hệ thống bằng sáng chế (một phần vì chúng liên quan đến các yêu cầu tiết lộ của luật pháp về bằng sáng chế).

Quyền sở hữu trí tuệ nên là một phần của hệ thống đổi mới, ở đó cũng bao gồm nguồn mở, các giải thưởng, và nghiên cứu được chính phủ hỗ trợ và các khoản trợ cấp.

Quyền sở hữu trí tuệ nên là một phần của hệ thống đổi mới, ở đó cũng bao gồm nguồn mở, các giải thưởng, và nghiên cứu được chính phủ hỗ trợ và các khoản trợ cấp (Có thể là thành quan trọng nhất của hệ thống đổi mới trong việc hỗ trợ nghiên cứu cơ bản). Mỗi thành phần trong số đó đều có các thế mạnh và hạn chế.

Bất kỳ hệ thống đổi mới nào cũng phải giải quyết các vấn đề chính, chọn lựa (ai gây quỹ nghiên cứu), và các động cơ. Thêm vào đó, có các vấn đề phối hợp các nỗ lực nghiên cứu và các hệ thống khác nhau có các hệ quả khác nhau đối với việc phổ biến tri thức và các phí giao dịch khác nhau.

Mọi quốc gia nên có một danh mục đầu tư các công cụ. Bản chất danh mục sẽ ảnh hưởng tới mức độ thành công của quốc gia đó trong việc xây dựng một xã hội học tập; nó sẽ ảnh hưởng đến tính sáng tạo và hiệu quả của hệ thống - bao gồm tính không chắc chắn và các chi phí giao dịch đối với những người tham gia thị trường. Theo quan điểm của các tác giả, các bằng sáng chế đang đóng vai trò quá lớn trong danh mục đầu tư hiện tại



Thuộc tính đầu tiên được liệt kê là sự chọn lựa. Một vấn đề đối với mọi hệ thống đổi mới là làm thế nào để chọn ra những người tham gia một dự án nghiên cứu. Lợi thế của bằng sáng chế và hệ thống giải thưởng cũng như việc là “nguồn mở” là chúng được phân quyền và dựa trên sự tự chọn lọc. Những người cho rằng họ là những nhà nghiên cứu giỏi nhất sẽ quyết định tham gia nghiên cứu. Họ đầu tư, chấp nhận rủi ro tiền túi của mình, với niềm tin rằng họ có cơ hội cao để giành giải thưởng giải thưởng chính thức hoặc giải thưởng cho bằng sáng chế) hoặc để đóng góp vào tiến bộ của việc học tập. Các hệ thống giải thưởng và bằng sáng chế có lợi thế này so với nghiên cứu được chính phủ tài trợ trong đó có một nhóm đồng sự (hoặc công chức, quyết định chọn ra nhà nghiên cứu giỏi nhất. Đồng thời rõ ràng có mối quan ngại về “kiểm soát” quá trình trao giải thưởng cho nghiên cứu, chẳng hạn, bằng lợi ích chính trị hoặc kinh tế trong đó những việc phải làm có thể tách rời hoặc thậm chí trái ngược với tiến bộ của khoa học và kỹ thuật.

Đối với phương diện tài chính, hệ thống bằng sáng chế là hệ thống tốt nhất trong các hệ thống. Chúng ta có thể nghĩ về QSHTT như một phương pháp gây quỹ cho nghiên cứu - một phương pháp cực kỳ gây biến dạng. Giá cả vượt chi phí cận biên một mức đáng kể, trong một khoảng thời gian hữu hạn, và lợi nhuận độc quyền không chỉ đem đến các động cơ mà còn các nguồn lực cho đổi mới. Khoảng trống giữa giá cả và chi phí cận biên này có thể được coi như thuế, một phần của lợi nhuận dùng để tài trợ nghiên cứu. Trong những năm trở lại đây đã có những nghiên cứu đáng kể về phương pháp tối ưu để tăng doanh thu (thuế). Việc đánh thuế ngầm của QSHTT (thậm chí nếu toàn bộ lợi nhuận được dành cho nghiên cứu và phát triển) không phải là một cách tối ưu để tăng doanh thu. Đặc tính căn bản của nó đó là nó là một loại thuế lợi ích; đó là chỉ những người được lợi từ đổi mới mới phải trả thuế này. Nhưng trong hầu hết các lĩnh vực, chúng ta không áp dụng các thuế lợi ích, phần lớn bởi những biến dạng liên quan đến các loại thuế này nhìn chung được xem là xứng đáng với lợi ích nhỏ về “vốn cổ phần”. Trong lĩnh vực các dược phẩm cứu người, lập luận đó thậm chí càng trở nên thuyết phục, bởi đặc trưng là những người cần các loại thuốc này đang phải chịu đựng một căn bệnh hiểm nghèo. Trong các hoàn cảnh này, việc đánh một loại “thuế lợi ích” bằng cách ép họ trả tiền thuốc để giữ lấy sinh mệnh được xem như không chỉ kém hiệu quả mà còn không công bằng. Trong trường hợp các dược phẩm, còn có một lý do khác cho thấy “thuế độc quyền” là một

cách kém hiệu quả để tài trợ nghiên cứu, đó là: một tỷ lệ lớn của doanh thu không đạt được mục tiêu - nó được sử dụng vào việc tiếp thị và quảng cáo thay vì nghiên cứu.

Trường hợp ở Hoa Kỳ, những biến dạng trong sự tiêu thụ liên quan đến việc định giá độc quyền làm cơ sở cho việc gây quỹ nghiên cứu về dược phẩm có thể bị giới hạn đối với những người có bảo hiểm y tế hoặc đang tham gia Chương trình chăm sóc người già. Tuy nhiên, trên thế giới điều này lại không đúng. Ở tất cả các nước có chính phủ chi trả phần lớn chi phí thuốc men, việc định giá thể hiện một chuyển đổi từ người trả thuế thông thường sang các công ty dược phẩm. Và ngay cả ở Hoa Kỳ cũng có nhiều biến dạng (bao gồm trong các mô hình nghiên cứu) nảy sinh từ việc tìm kiếm lợi ích - trong tìm kiếm lợi nhuận độc quyền. Nhưng đặc biệt ở các nước đang phát triển (và ngay cả ở Hoa Kỳ và một vài nước phát triển khác trong đó chính phủ không bảo đảm việc tiếp cận các dược phẩm cứu người), giá thuốc cao đã cản trở việc tiếp cận các loại thuốc cứu người đối với số nhiều đối tượng. Ở khắp nơi, đối với người nghèo không có bảo hiểm, việc định giá độc quyền có thể dẫn tới việc họ không thể mua loại thuốc họ cần - họ là điển hình phải chịu gánh nặng độc quyền. Nói rộng hơn, thuế lợi ích trên thực tế là giảm dần. Một hệ thống tài trợ công bằng hơn có thể đang phát triển, và những người có nhiều khả năng chi trả hơn sẽ trả nhiều hơn - và thực tế là một phần lớn trong thu nhập của họ. Trên thực tế, một người có thể lập luận rằng ở các nước trong đó các cá nhân phải trả một phần lớn chi phí thuốc men, việc không tính giá cao hơn chi phí cận biên với các loại thuốc cứu người có thể là một giải pháp đáng mơ ước để đem lại sự hỗ trợ cho những người nghèo hơn gặp hoàn cảnh kém may mắn khi phải đối mặt với bệnh tật. Một hệ thống chi trả trực tiếp cho nghiên cứu cơ bản kết hợp với việc định giá theo chi phí cận biên sẽ giúp cho những phát triển đang trên đà trở nên rõ ràng hơn, trở thành một hệ thống tài chính công bằng hơn và dẫn đến việc phân bổ nguồn lực hiệu quả hơn.

Nhìn chung, hệ thống bằng sáng chế là hệ thống cực kỳ gây biến dạng và thiếu công bằng nghiêm trọng trong cách thức mà nó quỹ để hỗ trợ nghiên cứu - bằng việc áp giá độc quyền, chẳng hạn, lên những người ốm.

Lợi thế có chủ ý chính của hệ thống bằng sáng chế là nó đem đến các động cơ tốt. Các động cơ đổi mới rất mạnh mẽ trong hệ thống bằng sáng chế, nhưng chúng bị biến dạng trong khi hệ thống giải thưởng có thể đem đến các

động cơ tương đương ít bị biến dạng hơn. Như đã đề cập, các động cơ bị biến dạng dưới hệ thống bằng sáng chế bởi vì còn các động cơ tham gia nghiên cứu để đổi mới xung quanh một chiếc bằng sáng chế, để sử dụng tiền theo những cách mở rộng chu kỳ hiệu quả của bằng sáng chế, để phát triển một chiếc bằng sáng chế giá trị cao, để bao quát các tri thức phổ thông và để mở rộng và tăng cường sức mạnh thị trường. Những biến dạng đổi mới này được bổ sung cùng với các biến dạng thị trường khác, như các biến dạng liên quan đến các khoản chi cho tiếp thị và các biến dạng liên quan đến các hoạt động nhằm khiến cho đường cầu bớt co giãn hoặc là mở rộng và tăng cường sức mạnh thị trường.

Việc nghiên cứu và phát triển ẩn chứa trong nó những rủi ro nhất định. Tuy nhiên, có một sự khác biệt lớn về bản chất của rủi ro mà các nhà nghiên cứu hoạt động trong các hệ thống phức tạp phải đối mặt. Ngoài ra, một trong những bất lợi của cả hai hệ thống bằng sáng chế và giải thưởng là việc thiếu sự *phối hợp*. Từ một quan điểm có tính xã hội tồn tại một rủi ro về sự sao chép quá mức. Việc thiếu hợp làm gia tăng chi phí thực hiện nghiên cứu.

Một trong những rủi ro mà mỗi nhà nghiên cứu phải đối là không biết có bao nhiêu người khác cũng tham gia nghiên cứu. Điều này làm gia tăng tính rủi ro của việc người nào có thành tích khám phá đầu tiên thì người đó sẽ giành được bằng sáng chế hoặc gia thưởng. Nghiên cứu được chính phủ tài trợ có thể có tính phối cao hơn.

Sự phối hợp rất quan trọng không chỉ ở chỗ số lượng các chi nghiên cứu hoặc các dự án nghiên cứu mà còn là danh mục các dự án nghiên cứu. Do đó, nói đến rủi ro và sự phối hợp, hệ thống bằng sáng chế là hệ thống tệ nhất, và hệ thống được chính phủ tài trợ là hiệu quả nhất, bởi nó có những lợi thế từ việc chi trả cho đầu vào thay vì đầu ra. Điều đó nghĩa là, các nhà nghiên cứu được trả cho thời gian và các nguồn lực khác của họ dành cho việc thực hiện nghiên cứu, trong khi trong các hệ thống giải thưởng và bằng sáng chế, các nhà nghiên cứu chỉ được trao thưởng khi nghiên cứu của họ thành công - và thành công trước các đối thủ của họ.

Hệ thống bằng sáng chế đặt ra nhiều rủi ro hơn so với hệ thống giải thưởng, bởi dưới hệ thống bằng sáng chế, có thêm vô vàn sự không chắc chắn: giá trị của “giải thưởng”, một thứ phụ thuộc vào quy tín lợi nhuận độc quyền mà người giành được bằng sáng chế có thể rút ra.

Một trong các nguyên nhân cho thấy rủi ro là quan trọng đó là tại điểm cân bằng người tiêu dùng phải trả cho rủi ro của các nhà nghiên cứu. Mọi người và các doanh nghiệp đều không thích rủi ro và nếu họ phải chịu rủi ro, họ phải được bù đắp cho việc đó.

Bên cạnh đó, các chi phí giao dịch liên quan đến việc vận hành các chế độ QSHTT là rất cao. Một số người phàn nàn rằng ở Hoa Kỳ chi phí trả cho các luật sư trong lĩnh vực QSHTT (để giành được bằng sáng chế, để chi trả các khiếu nại về bằng sáng chế, và để đấu tranh với khiếu nại của người khác) còn cao hơn so với chi phí dành cho nghiên cứu. Mặc dù rất khó để có được các số liệu chính xác nếu không muốn nói là không thể nhưng rõ ràng các chi phí giao dịch là rất đáng kể và cao hơn so với những cách thức khác trong đó đôi mới được tài trợ và khuyến khích.

Việc mở rộng sự tiếp cận và phổ biến tri thức là một trong những thuộc tính quan trọng nhất trong việc đánh giá tác động của các cơ chế thay thế trong danh mục đổi mới (hãy nhớ rằng tri thức là một loại hàng hoá quốc dân, theo nghĩa không có chi phí cận biên với một cá nhân hoặc doanh nghiệp nào khác sử dụng tri thức đó), và hệ thống bằng sáng chế ở đây cực kỳ thiếu hiệu quả. Nó được xây dựng để hạn chế việc tiếp cận tri thức. Thiếu tiếp cận với tri thức không chỉ dẫn đến sự phi hiệu quả tởn mà còn cản trở những đổi mới hơn nữa. Nó có thể là một trở ngại chính trong việc tạo ra một xã hội học tập. Dấu hiệu Phân biệt của các cơ chế thay thế (nghiên cứu được chính phủ tài trợ, nguồn mở, hệ thống giải thưởng) là tri thức được cung cấp miễn phí hoặc có tính phí cấp phép hạn chế.

**TTBD DBDC**  
Nội dung thảo luận này đã khẳng định rõ ràng, vì nhiều lý do hệ thống giải thưởng thống trị hệ thống bằng sáng chế. Hệ thống thường mang lại lợi nhuận cao cho các nhà sáng chế, những người phát triển các sáng tạo có giá trị xã hội cao. (Thực tế, giải thưởng có thể được sắp xếp phù hợp hơn với các lợi ích xã hội so với giải thưởng ngẫu nhiên liên quan đến việc trao tặng các quyền độc quyền thông qua hệ thống bằng sáng chế). Và sau đó những lợi ích của tri thức này có thể, phổ biến rộng rãi hơn thông qua việc sử dụng sản xuất mang tính cạnh tranh. Hơn nữa, hệ thống giải thưởng không chỉ ngăn ngừa sự nhiễu loạn, mà còn ngăn ngừa những biến dạng năng động liên quan đến quyền - bao gồm cả động cơ cản trở những đổi mới tiếp bước (điều đó có thể làm giảm lợi nhuận độc quyền của chủ sở hữu bằng sáng chế).



Nhưng hệ thống giải thưởng có một hạn chế: Hệ thống này không hoạt động khi mục tiêu chưa được xác định rõ ràng. (Tuy nhiên, có nhiều lĩnh vực có các mục tiêu đã được xác định rõ ràng như lĩnh vực y tế, bảo tồn năng lượng và giảm lượng khí thải carbon). Đó là lý do tại sao hệ thống giải thưởng sẽ không bao giờ có thể thay thế được hệ thống bằng sáng chế.

Đồng thời, trong nghiên cứu cơ bản - nền tảng trong đó mọi thứ khác được xây dựng - nghiên cứu được chính phủ tài trợ sẽ tiếp tục duy trì ở vị trí trung tâm của hệ thống đổi mới. Không có ai có đề xuất nào khác: Các chi phí hạn chế việc sử dụng các tri thức liên quan đến hệ thống bằng sáng chế vượt xa bất kỳ lợi ích có chủ định nào khác. Cuộc tranh luận hiện nay chỉ suy xét xung quanh nghiên cứu đã được ứng dụng đòi hỏi chuyển đổi tri thức thu được trong nghiên cứu cơ bản thành các ứng dụng.

Trên thực tế, các quốc gia thành công nhất là những quốc gia thành công trong việc giảm khoảng cách nhanh chóng. Khoảng cách ở đây được hiểu là khoảng cách tri thức, của việc học tập, nghiên cứu, sáng tạo và phát triển. Quyền sở hữu trí tuệ và đặc biệt là hệ thống quyền sở hữu trí tuệ được xây dựng yếu kém có thể cản trở cả khả năng tiếp cận với tri thức cũng như việc xây dựng một xã hội học tập ở những quốc gia này.

Xét về mặt lý thuyết, quyền sở hữu trí tuệ đều bao gồm sự đánh đổi giữa sự phi hiệu quả tĩnh và lợi ích động - mọi hạn chế về việc sử dụng tri thức đều gây ra một sự phi hiệu quả - thậm chí có thể nhiều hơn như vậy nếu nó làm nảy sinh sức mạnh độc quyền - tuy nhiên các lợi ích động từ hệ thống quyền sở hữu trí tuệ hiện hành có thể bị hạn chế do sự lạm dụng sức mạnh độc quyền và những vấn đề đặt ra bởi những khó khăn của việc xác định ranh giới chính xác, làm gia tăng các bụi rậm bằng sáng chế. Các vụ phá đám sử dụng hệ thống bằng sáng chế để chuyển lợi nhuận sang cho bản thân, mà có thể, về mặt khác, sẽ tác động đến những nhà đổi mới thực sự. Rủi ro tăng lên là kết quả của kiện tụng và việc thiếu sự phối hợp. Và quan trọng nhất, những trở ngại trong việc tiếp cận tri thức làm chậm các nghiên cứu tiếp bước. Nhưng cho dù có những lợi ích động đáng kể thì sự đánh đổi tối ưu đối với một nước đang phát triển vẫn hoàn toàn khác với một nước phát triển. Các nước đang phát triển thu được nhiều lợi ích từ việc học tập theo những nước phát triển. Đó có thể là những lợi ích học tập trực tiếp, cũng có thể là những lợi ích gián tiếp như việc học tập trong một ngành hoặc một doanh nghiệp lan tỏa sang những ngành hoặc những doanh nghiệp

khác. Đây cũng là lý do tại sao cần có một chế độ sở hữu trí tuệ theo định dạng phát triển. Chế độ sở hữu trí tuệ nào thích hợp với các nước công nghiệp tiên tiến thì sẽ không thích hợp với các nước đang phát triển hoặc các thị trường mới nổi.

Năm 2004, Đại hội đồng của Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) đã kêu gọi các quốc gia tăng cường cho việc nghiên cứu và phát triển và làm sao để thúc đẩy được khả năng gia tăng việc học tập một cách bền vững của các quốc gia đang phát triển. Như vậy, có hai ý tưởng then chốt trong nghị quyết của WIPO, theo đó, sở hữu trí tuệ “không phải là mục đích cuối cùng”. Và nó thể hiện sứ mệnh của WIPO là “thúc đẩy hoạt động trí tuệ sáng tạo” và “chuyển giao công nghệ cho các nước đang phát triển”. Chương trình nghị sự phát triển mới kêu gọi tìm hiểu các chế độ sở hữu trí tuệ khác nhau ảnh hưởng đến các nước đang phát triển như thế nào.

Cả mục đích của chế độ quyền sở hữu trí tuệ và hệ thống đổi mới quốc gia rộng hơn đều phải phản ánh sự khác biệt trong các hoàn cảnh. Đó là lý do tại sao nỗ lực hài hòa hóa quá mức theo Hiệp định TRIPS (Hiệp định về các khía cạnh liên quan tới thương mại của quyền sở hữu trí tuệ đã được thông qua như là một phần của Vòng đàm phán thương mại Uruguay) sai lầm về đường lối.

Đối với một thị trường mới nổi, tiếp cận tri thức là điều cần thiết cho sự tăng trưởng trong tương lai. Sở hữu trí tuệ không nên được sử dụng với tư cách là một chướng ngại vật đối với sự phát triển. Hệ thống trách nhiệm pháp lý (có hiệu lực, cấp giấy phép bắt buộc về việc bồi thường công bằng cho việc sử dụng tri thức) là một cách để bảo đảm cho việc tiếp cận tri thức. Ngay cả những cải cách khiêm tốn hơn, chẳng hạn như cho phép sử dụng sở hữu trí tuệ với điều kiện có thách thức (có bồi thường được thanh toán thích hợp hơn nếu bằng sáng chế được bảo vệ) sẽ thích hợp hơn với hệ thống hiện có.

Trong khi cuối cùng có thể ban hành những quy tắc đơn giản đánh giá trong trường hợp phải cấp một giấy phép bắt buộc thì quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt là ở các nước đang phát triển, vẫn đang ở giai đoạn phát triển ban đầu. Tính đơn giản và năng lực hạn chế của các nước đang phát triển để tham gia vào các vụ kiện tụng tốn kém, khẳng định rằng nên có những giả thiết mạnh mẽ ủng hộ việc hạn chế quyền sở hữu trí tuệ khi có một mục tiêu lành mạnh, rõ ràng, mang tính cạnh tranh hoặc phát triển. Vì lẽ đó, trách nhiệm về bằng chứng nên được

giao cho người nắm giữ bằng sáng chế ban đầu mà không có mục tiêu lành mạnh về pháp lý, sự cạnh tranh, hoặc phát triển.

Việc học tập ở các nước đang phát triển được thực hiện thông một số kênh như: Tính lưu động của con người, các hình thức nguồn mở của phổ biến kiến thức, hàng hoá đầu tư, sự mô phỏng và kỹ thuật đảo ngược, cấp phép chính thức, chuyển giao công nghệ trong nội bộ doanh nghiệp (ví dụ, thông qua các tập đoàn đa quốc gia), đầu tư trực tiếp nước ngoài, và việc mua lại các doanh nghiệp có Công nghệ. Một vài nước đang phát triển (nhất là Trung Quốc) đã bắt đầu thực hiện các khoản đầu tư đáng kể vào nghiên cứu phát triển và đã sử dụng vượt mức hệ thống bằng sáng chế. Những người ủng hộ quyền sở hữu trí tuệ mạnh mẽ hơn đã lập luận rằng việc tăng cường hệ thống bằng sáng chế sẽ tăng cường đổi mới, học tập và có thể làm gia tăng sự sẵn sàng của các doanh nghiệp đến từ các nước tiên tiến để thực hiện nghiên cứu, hoặc thậm chí chuyển dịch sản xuất tiên tiến, mà có thể nó sẽ trở thành cơ sở học tập đối với các nước đang phát triển. Nhưng họ bỏ qua thực tế rằng hệ thống bằng sáng chế sẽ cản trở việc học tập thông qua nhiều kênh, mà thông qua đó việc học tập đã diễn ra một cách điển hình; họ cũng bỏ qua sự thật rằng các kênh này đóng một vai trò quan trọng từ xưa. Hàm ý là các quyền sở hữu trí tuệ mạnh tập và đổi mới ở các nước đang phát triển.

Người ta cho rằng các chế độ sở hữu trí tuệ được xây dựng để nhằm mục đích khuyến khích đổi mới bằng cách cung cấp các động cơ để thúc đẩy nghiên cứu, nâng cao khả năng của người đổi mới để giành lợi nhuận. Nhưng sở hữu trí tuệ gây trở ngại cho việc phổ biến và truyền tải tri thức và khuyến khích tính bí mật, cản trở việc học tập. Ngày nay người ta càng nhận thức được về những ảnh hưởng những ảnh hưởng bất lợi khác, đặc biệt đối với các nước đi triển, của chế độ sở hữu trí tuệ, khi được phát triển ở các nước nghiệp tiên tiến. Tri thức là đầu vào quan trọng nhất của quá trình xuất tri thức, và bằng cách hạn chế sự sẵn có của tri thức, quyền sở trí tuệ cản trở việc tạo ra nhiều tri thức (hoặc học tập) hơn. Hệ thống bằng sáng chế làm gia tăng sức mạnh độc quyền; độc quyền hạn chế sản xuất, do đó làm giảm động cơ thúc đẩy đổi mới. Phân tích này mang lại hai hàm ý. Thứ nhất là, do vai trò quan trọng của việc thu hẹp khoảng cách về tri thức đối với sự phát triển thành công, chế độ sở hữu trí tuệ phù hợp với các nước đang phát triển và thị trường mới nổi có thể sẽ có sự khác biệt đáng kể với chế độ sở hữu trí tuệ phù hợp với các nước công nghiệp tiên tiến. Trong lĩnh vực

này, thậm chí nhiều hơn so với những lĩnh vực khác, một chính sách chung cho tất cả không còn phù hợp.

Thứ hai, có những cách thay thế để xây dựng một hệ thống đổi mới, với sự nhấn mạnh nhiều hơn vào giải thưởng và nguồn mở. Bằng sáng chế sẽ đóng một vai trò, nhưng các chi tiết của vấn đề hệ thống bằng sáng chế cũng quan trọng: ví dụ, một hệ thống bằng sáng chế tốt phải chú trọng nhiều hơn tới vấn đề bị tiết lộ, các vấn đề về phá đấm và cũng phải chú trọng hơn tới việc xây dựng các hệ thống tốt hơn và các bằng sáng chế đầy thử thách.

Khái niệm “xây dựng xã hội học tập” cung cấp một lần đó tất cả các chính sách và thể chế của một xã hội cần phải được kiểm nghiệm. Điều này đặc biệt dùng trong trường hợp các chính sách và các thể chế được xây dựng để khuyến khích đổi mới và học tập.

